



BẢNG NIÊM YẾT LÃI SUẤT CHO VAY MUA VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOÀN THIỆN TẠI ĐIỂM GIỚI THIỆU DỊCH VỤ

Ngày cập nhật: 06/03/2020

STT	Lãi suất (*)		Tỷ lệ trả trước (%)	Kỳ hạn (tháng)	Đối tượng áp dụng (**)
	(%/tháng)	(%/năm)			
1	2.8389%	34.0668%	Từ 20% giá trị sản phẩm	6; 9; 12; 15; 18; 20; 24; 30; 36	Khách hàng có chứng từ chứng minh thu nhập, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
2	3.0100%	36.1200%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
3	3.1735%	38.0820%			Khách hàng có chứng từ chứng minh thu nhập, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
4	3.1735%	38.0820%			Khách hàng nông dân, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
5	3.5084%	42.1008%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
6	3.5084%	42.1008%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF. Khoản vay từ 30 triệu trở lên
7	3.8400%	46.0800%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
8	4.3818%	52.5816%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
9	4.6638%	55.9656%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.
10	5.1400%	61.6800%			Khách hàng thường, tỷ lệ trả trước từ 20% trở lên, theo điều kiện của JIVF.

(*) Lãi suất được tính theo phương pháp dư nợ giảm dần, trên cơ sở 1 năm là 365 ngày

(**) Tùy từng trường hợp, lãi suất có thể được áp dụng khác nhau đối với cùng 1 đối tượng áp dụng và phụ thuộc vào điều kiện vay hoặc chương trình ưu đãi (nếu có) được JIVF thông báo. Khách hàng cần liên hệ với Nhân viên tư vấn để được tư vấn thêm về Lãi suất áp dụng và Đối tượng áp dụng cụ thể.